

Bản án số: 294/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2024

V/v: “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Bà Lê Thị Tụ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11969/2024/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 14301/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 16202/TB-TA ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Hoàng Hải Y, sinh năm 1995, CCCD số 07919\*\*\*3241; Địa chỉ thường trú: 103 lô C, Chung cư C, phường G, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: 281 A4, KP1, Phường N, thành phố B, tỉnh T (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1992, CCCD số 07909\*\*\*5035; Địa chỉ thường trú: 7 bis Nguyễn T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Hoàng Hải Y đều trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh D kết hôn năm 2020 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 15/9/2020; có 01 con chung tên Nguyễn Lê Hoàng M, sinh ngày 09/12/2020.

Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã. Ông D không có việc làm, không có thu nhập ổn định, không có trách nhiệm với vợ con. Vào cuối năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông D thường xuyên dùng lời lẽ không hay đối với bà và gia đình bà, có tư tư tưởng đe dọa, gây hại đến con nên bà và ông D đã sống ly thân từ đó đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D để ổn định cuộc sống. Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Lê Hoàng M, sinh ngày 09/12/2020, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến hoặc nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo. Đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.*

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bị đơn và được trực tiếp nuôi con chung; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 không có ý kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Lê Hoàng Hải Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Minh D cư trú tại 7 bis Nguyễn T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an phường B, Quận M, bị đơn ông Nguyễn Minh D có hộ khẩu thường trú và đang thực tế cư trú tại địa chỉ 7bis Nguyễn T, phường B, Quận M. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 15/9/2020 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[5] Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc bà Y và ông D tuy sống chung với nhau nhưng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, ông D cũng không có sự chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bà Y và ông D không còn tình cảm vợ chồng và đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Bà Y đã một lần nộp đơn ly hôn vào năm 2023, tuy nhiên để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn nên bà đã rút đơn ly hôn, nhưng đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được. Nhận thấy hôn nhân giữa bà Y và ông D đã có sự vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ, chồng, tình cảm vợ chồng không được hàn gắn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng.

Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông D, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà Y giao nộp cho Tòa án, nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa án làm việc để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà Y cũng như tiến hành thông báo để ông D đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do. Việc ông D không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm chứng tỏ ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí muốn hàn gắn và đoàn tụ.

[6] Xét thấy, lời khai của bà Y về gia đình bà có mâu thuẫn, không có hạnh phúc gia đình là có cơ sở. Hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống, bà Y và ông D có con chung tên Nguyễn Lê Hoàng M, sinh ngày 09/12/2020. Xét việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom chăm sóc. Cháu Nguyễn Lê Hoàng M còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ đồng thời từ khi vợ chồng ly thân, ông D không sống chung, không có sự quan tâm chăm sóc con chung, bà Y là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, có công việc, thu nhập ổn định và cuộc sống của con chung vẫn ổn định nên để đảm bảo về vật chất, tinh thần, sự phát triển bình thường, ổn định của con không cần thiết phải thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Xét, yêu cầu của bà Y được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành là chính đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Nguyễn Lê Hoàng M cho bà Lê Hoàng Hải Y trực tiếp nuôi.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hoàng Hải Y

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hoàng Hải Y được ly hôn với ông Nguyễn Minh D.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Hoàng M, sinh ngày 09/12/2020 cho bà Lê Hoàng Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Bà Lê Hoàng Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0038385 ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Hoàng Hải Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.1;
- UBND P.B, Q.M;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Phương**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**